

NGÔN NGỮ PHÁP LUẬT TRONG KỶ NGUYÊN TRÍ TUỆ NHÂN TẠO: TƯƠNG LAI VÀ THÁCH THỨC

✍ ThS. Nguyễn Thị Thúy Nga
Trường Đại học Kiểm sát

● **TÓM TẮT:** Trong kỷ nguyên trí tuệ nhân tạo (AI), ngôn ngữ pháp luật - vốn mang tính chính xác, rõ ràng và khuôn mẫu - đang chịu ảnh hưởng sâu sắc từ công nghệ mới. AI hỗ trợ hiệu quả trong việc phân tích, soạn thảo và chuẩn hóa các văn bản pháp lý, giúp nâng cao tính chính xác, khách quan và hệ thống hóa ngôn ngữ pháp luật. Đồng thời, AI góp phần hình thành các thuật ngữ pháp lý mới phù hợp với các lĩnh vực công nghệ như blockchain, dữ liệu số hay tiền điện tử. Tuy nhiên, sự phát triển này cũng đặt ra nhiều thách thức, như đảm bảo tính minh bạch, đạo đức, bảo mật thông tin và tránh thiên lệch trong dữ liệu huấn luyện. Bên cạnh cơ hội tăng hiệu quả và tính tiếp cận của pháp luật, ngôn ngữ pháp lý trong thời đại AI cần sự kết hợp chặt chẽ giữa công nghệ và các giá trị nhân văn, đòi hỏi vai trò không thể thay thế của chuyên gia pháp lý trong việc giám sát, giải thích và điều chỉnh nhằm đảm bảo công bằng và quyền lợi của công dân.

● **Từ khóa:** Ngôn ngữ pháp luật, kỷ nguyên, trí tuệ nhân tạo, tương lai, thách thức.

● **ABSTRACT:** In the era of artificial intelligence (AI), legal language - which is precise, clear and formal - is being deeply influenced by new technology. AI effectively supports the analysis, drafting and standardization of legal documents, helping to improve the accuracy, objectivity and systematization of legal language. At the same time, AI contributes to the formation of new legal terms suitable for technology fields such as blockchain, digital data or cryptocurrencies. However, this development also poses many challenges, such as ensuring transparency, ethics, information security and avoiding bias in training data. In addition to the opportunity to increase the efficiency and accessibility of law, legal language in the AI era requires a close combination of technology and human values, requiring the irreplaceable role of legal experts in monitoring, interpreting and adjusting to ensure fairness and the rights of citizens.

● **Keywords:** Legal language, cryptography, artificial intelligence, future, challenges.

Ngày nhận bài: 02/5/2025 - Ngày bình duyệt: 15/5/2025 - Ngày duyệt đăng: 25/5/2025

MỞ ĐẦU

Trong kỷ nguyên trí tuệ nhân tạo (AI), công nghệ đang tác động sâu rộng đến tất cả các khía cạnh của xã hội, bao gồm pháp luật và ngôn ngữ pháp lý. Ngôn ngữ pháp luật,

vốn là một hệ thống ngôn từ có tính chính xác, logic và tính khuôn mẫu cao, nay phải thích nghi với những biến chuyển nhanh chóng từ AI. AI đóng vai trò quan trọng trong việc phân tích văn bản, dịch thuật,

và thẩm định các tài liệu pháp lý, mang lại nhiều cơ hội nhưng cũng đặt ra không ít thách thức. Chẳng hạn, các công cụ AI như ChatGPT hay IBM Watson Legal đã minh chứng rõ ràng khả năng đọc hiểu ngôn ngữ pháp luật và cung cấp phân tích chi tiết. Tuy nhiên, những ứng dụng này cũng đang làm dấy lên lo ngại về tính đồng nhất, minh bạch và đạo đức trong các quá trình pháp luật. ***Trong bài viết này, chúng tôi tập trung tìm hiểu ngôn ngữ pháp luật trong kỷ nguyên AI, phân tích những đòi hỏi, thách thức và triển vọng.***

1. ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA NGÔN NGỮ PHÁP LUẬT

Ngôn ngữ pháp luật là một loại ngôn ngữ đặc thù được sử dụng trong các văn bản pháp lý, các quy phạm pháp luật nhằm xác định quyền và nghĩa vụ của các cá nhân, tổ chức trong xã hội. Ngôn ngữ này không chỉ phục vụ mục đích giao tiếp thông thường mà còn phải đảm bảo tính chính xác, rõ ràng, và không mơ hồ để tránh sự hiểu lầm và tạo cơ sở cho việc thực thi pháp luật. Do vậy, ngôn ngữ pháp luật đòi hỏi:

1.1. Tính chính xác

Tính chính xác là đặc điểm cốt lõi của ngôn ngữ pháp luật, yêu cầu việc sử dụng các từ ngữ, thuật ngữ và cấu trúc câu không chỉ đúng về mặt ngữ nghĩa mà còn phải đảm bảo không gây ra sự hiểu lầm trong áp dụng. Theo Nguyễn Ngọc Điện, “Tính chính xác trong ngôn ngữ pháp luật là yếu tố then chốt đảm bảo các quy phạm pháp luật được hiểu đúng và áp dụng hiệu quả trong thực tế” (*Ngôn ngữ pháp luật và thực tiễn pháp lý*, 2007). Ví dụ: Trong Bộ luật Dân sự 2015 của Việt Nam, thuật ngữ “hợp đồng” được định nghĩa rõ ràng tại Điều 385: “*Hợp đồng là sự thỏa thuận giữa các bên về việc xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự.*”

1.2. Tính rõ ràng, minh bạch

Ngôn ngữ pháp luật cần được trình bày rõ ràng, dễ hiểu, giúp mọi cá nhân và tổ chức có thể tiếp cận và thực hiện một

cách chính xác. Điều này góp phần đảm bảo quyền tiếp cận pháp luật của công dân, đồng thời hạn chế nguy cơ lạm dụng hoặc giải thích sai quy định. Theo Nguyễn Đăng Dung, “Ngôn ngữ pháp luật phải đảm bảo tính rõ ràng, nhưng không được làm mất đi tính khái quát, khoa học vốn có” (*Giáo trình lý luận pháp luật*, 2010). Ví dụ: Luật Giao thông đường bộ 2008 sử dụng các cụm từ như “phải”, “ng nghiêm cấm” trong Điều 8 để nhấn mạnh sự minh bạch và bắt buộc, ví dụ: “*Ng nghiêm cấm hành vi lái xe khi có nồng độ cồn vượt mức cho phép.*”

1.3. Tính khái quát và trừu tượng

Ngôn ngữ pháp luật có tính khái quát cao, nhằm áp dụng cho nhiều trường hợp và đối tượng khác nhau trong thực tiễn. Đặc điểm này giúp pháp luật điều chỉnh được các mối quan hệ xã hội phong phú và phức tạp mà không cần sửa đổi liên tục. Theo Vũ Văn Nhiêm, “Khái quát hóa là đặc trưng quan trọng của ngôn ngữ pháp luật, giúp pháp luật có thể áp dụng rộng rãi mà không mất đi tính chính xác và khả năng điều chỉnh thực tiễn” (*Nguyên lý cơ bản của luật học*, 2015). Ví dụ: Các khái niệm “chủ thể” hay “hành vi vi phạm pháp luật” thường được quy định trong các văn bản pháp luật để bao quát nhiều tình huống cụ thể.

1.4. Tính bắt buộc

Ngôn ngữ pháp luật thể hiện tính mệnh lệnh và bắt buộc đối với tất cả các chủ thể trong xã hội. Đặc điểm này được thể hiện rõ qua cách sử dụng các từ ngữ mang tính quy phạm như “phải”, “không được”, “cấm”. Theo Trần Ngọc Đường, “Tính bắt buộc trong ngôn ngữ pháp luật là cách thể hiện ý chí quyền lực nhà nước một cách trực tiếp và không thể phủ nhận” (*Khoa học pháp lý và thực tiễn lập pháp*, 2009). Ví dụ: Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định tại Điều 5: “*Cấm các hành vi bạo lực gia đình, cưỡng ép kết hôn, ly hôn hoặc cản trở hôn nhân tự nguyện, tiến bộ.*”

1.5. Tính logic, chặt chẽ

Tính logic và chặt chẽ là yếu tố đảm

bảo sự thống nhất và minh bạch trong hệ thống pháp luật. Ngôn ngữ pháp luật phải được xây dựng với bố cục hợp lý, tránh mâu thuẫn giữa các điều khoản hoặc văn bản. Theo Phạm Hồng Thái, “Tính logic trong ngôn ngữ pháp luật không chỉ đảm bảo sự rõ ràng trong văn bản mà còn giúp nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật” (*Pháp luật và phát triển bền vững*, 2016). Ví dụ: Bộ luật Hình sự 2015 được tổ chức thành các phần, chương, mục rõ ràng, với các quy định chi tiết từ khái niệm, hành vi phạm tội đến hình phạt, đảm bảo sự nhất quán trong nội dung.

1.6. Tính ổn định và bền vững

Ngôn ngữ pháp luật cần có tính ổn định để đảm bảo hiệu quả điều chỉnh lâu dài, tránh sự xáo trộn không cần thiết trong xã hội. Tuy nhiên, pháp luật vẫn cần có khả năng thích nghi với các thay đổi của thực tiễn. Theo Lê Minh Tâm, “Ngôn ngữ pháp luật phải đạt đến sự cân bằng giữa tính ổn định và khả năng cải tiến phù hợp với sự phát triển của xã hội” (*Giáo trình lý luận nhà nước và pháp luật*, 2014). Ví dụ: Các thuật ngữ như “quyền công dân” hay “hợp đồng kinh tế” được sử dụng ổn định trong nhiều văn bản luật nhưng vẫn có thể được giải thích và bổ sung qua các quy định mới.

1.7. Tính quốc tế hóa

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, ngôn ngữ pháp luật cần phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi cho sự hợp tác và hội nhập quốc tế. Theo Nguyễn Văn Cường, “Tính quốc tế hóa của ngôn ngữ pháp luật giúp các quốc gia dễ dàng phối hợp giải quyết các vấn đề pháp lý mang tính toàn cầu” (*Hội nhập pháp luật quốc tế: Thách thức và cơ hội*, 2020). Ví dụ: Hiệp định EVFTA giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu sử dụng các thuật ngữ pháp lý mang tính quốc tế, được thể hiện bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh.

Tóm lại, Ngôn ngữ pháp luật là một công cụ đặc thù, mang tính kỹ thuật cao và đóng vai trò quan trọng trong việc thể hiện ý chí của nhà nước, điều chỉnh các mối quan

hệ xã hội. Các đặc điểm như tính chính xác, rõ ràng, khái quát, bắt buộc, logic, ổn định và quốc tế hóa giúp pháp luật thực thi hiệu quả và công bằng trong xã hội hiện đại.

2. TÁC ĐỘNG CỦA (AI) ĐỐI VỚI NGÔN NGỮ PHÁP LUẬT

Mireille Hildebrandt ⁽¹⁾, một chuyên gia về luật và công nghệ, “AI không chỉ tác động đến việc thực thi luật pháp, mà còn thách thức cách chúng ta hiểu và áp dụng pháp luật” (Hildebrandt, 2020). Theo đó, sự phát triển nhanh chóng của trí tuệ nhân tạo (AI) đã tạo ra nhiều thay đổi sâu rộng trong các lĩnh vực khác nhau, trong đó có pháp luật. AI không chỉ làm thay đổi cách thức hoạt động của các cơ quan pháp lý mà còn tác động đến ngôn ngữ pháp luật, từ việc soạn thảo văn bản cho đến việc áp dụng các quy định pháp lý.

Kỷ nguyên AI đầy rẫy thời cơ và thách thức, một trong số đó là đối với ngôn ngữ pháp luật. Có thể nói, AI thời kỳ đầu đã thực sự chịu ảnh hưởng và mắc nợ triết học, logic, ngôn ngữ, nhất là triết học ngôn ngữ học bậc cao, AI “làn sóng thứ hai” dựa chủ yếu trên mô hình “học sâu” hay “deep learning” (hay cơ chế hoạt động dựa trên mạng nơ-ron nhân tạo (neural networks) để phân tích, xử lý dữ liệu và mô phỏng bộ não của con người) và có nguồn gốc nhiều hơn từ các kĩ tích kỹ thuật cụ thể liên quan đến khả năng xử lý lượng dữ liệu khổng lồ với ngôn ngữ đặc trưng. Theo đó, chính ở đây, ngôn ngữ pháp luật trong kỷ nguyên AI ngày càng khẳng định vai trò của nó. Chẳng hạn, hãy xem xét các mô hình ngôn ngữ lớn, chẳng hạn mô hình hỗ trợ ChatGPT, với nhiệm vụ là tạo ra các văn bản đàm thoại. Chúng là những mô hình khổng lồ, với thậm chí hàng tỉ tham số, và được huấn luyện trên các tệp dữ liệu khổng lồ (thường bao gồm toàn bộ các dữ liệu có trên internet). Nhưng cốt lõi của chúng vẫn là tuân thủ và khai thác những mô hình thống kê về cách sử dụng ngôn ngữ. Nhưng làm thế nào để đảm bảo rằng ngôn ngữ pháp luật trong kỷ nguyên AI một mặt, tuân thủ, tuân theo

pháp luật, mặt khác phản ánh được những quan hệ giữa các chủ thể đương đại là vấn đề không dễ, nhưng dù sao cũng phải thể hiện nội dung thực tại bằng “ý nghĩa của một từ dưới dạng ngôn ngữ pháp luật”, và đó “là cách sử dụng của AI trong ngôn ngữ pháp luật hiện nay.

Nhưng ngay cả, ngôn ngữ nói chung, triết học ngôn ngữ, ngôn ngữ pháp luật đương đại cũng có liên quan đến sự tồn tại và phát triển của AI. Liệu một mô hình ngôn ngữ lớn có hiểu được ngôn ngữ chính nó đang xử lý hay không? Liệu nó có thể có được ý thức hay không? Đây thực chất là những câu hỏi mang tính nhận thức luận triết học sâu sắc. Cho đến nay, khoa học vẫn chưa thể giải thích được đầy đủ về cách ý thức được phát sinh từ các tế bào trong não người. Một số nhà triết học thậm chí còn tin rằng đây là một vấn đề “khó nhằn”, vượt ra bên ngoài phạm vi của khoa học và phải cần tới sự trợ giúp của triết học. Tương tự, chúng ta có thể đặt ra câu hỏi, liệu AI có thực sự đang sáng tạo trong khi tạo ra những bức tranh hay không?

Margaret Boden ⁽²⁾, một nhà khoa học nhận thức và đồng thời là một triết gia về AI, lập luận rằng, dù AI có thể đưa ra những ý tưởng mới, nhưng nó sẽ gặp khó khăn trong việc đánh giá chính những ý tưởng ấy theo cách con người, với sự sáng tạo của mình, vẫn làm. Bà cũng dự đoán rằng, chỉ khi có thể xây dựng được một cấu trúc lai ghép kết hợp cả hoạt động thần kinh với tư duy biểu tượng (hybrid neural-symbolic architecture), hay nói khác đi, kết hợp được cả kỹ thuật logic lẫn bề dày dữ liệu, thì khi ấy mới có thể có được một dạng thức trí tuệ nhân tạo toàn diện hơn, và cùng với đó ngôn ngữ pháp luật sẽ ngày càng hoàn thiện.

Trở lại với tuyên bố của OpenAI, khi được hỏi về vai trò của ngôn ngữ pháp luật trong thời đại AI, ChatGPT đã trả lời chúng tôi rằng (trong số rất nhiều mục đích khác) ngôn ngữ, triết học ngôn ngữ “giúp đảm bảo rằng sự phát triển và sử dụng AI phù hợp với các giá trị của con người” ⁽³⁾. Với ý

nghĩa như thế, có lẽ chúng ta hoàn toàn có thể tin rằng, nếu sự gắn kết AI với những giá trị nhân văn, một trong số đó là ngôn ngữ, ngôn ngữ pháp luật sẽ thực sự là một vấn đề trọng yếu như OpenAI tin tưởng, đây chắc chắn sẽ không chỉ là vấn đề kỹ thuật cần tới sự chung tay của các kỹ sư hay công ty công nghệ, mà còn là một vấn đề xã hội, ngôn ngữ học, ngôn ngữ pháp luật. Theo đó, sự tác động của trí tuệ nhân tạo (AI) đối với ngôn ngữ pháp luật được cụ thể hóa:

2.1. Cải thiện tính chính xác và rõ ràng của ngôn ngữ pháp luật

AI có khả năng xử lý và phân tích lượng lớn dữ liệu, điều này giúp tăng cường tính chính xác và rõ ràng của ngôn ngữ pháp luật. Các công cụ AI có thể hỗ trợ trong việc soạn thảo các văn bản pháp lý, đảm bảo rằng các thuật ngữ pháp lý được sử dụng đúng nghĩa và không gây hiểu nhầm. Hệ thống AI có thể phát hiện và chỉnh sửa các lỗi ngữ pháp, từ ngữ mơ hồ, hay các mâu thuẫn trong các văn bản pháp lý.

AI có thể giúp tự động hóa việc phân tích và xử lý ngôn ngữ, giúp các luật sư và chuyên gia pháp lý phát hiện những chỗ chưa rõ ràng hoặc có thể gây tranh cãi trong các quy định pháp lý. Việc sử dụng AI cũng có thể giúp tạo ra các bản thảo hợp đồng và các văn bản pháp lý chuẩn hóa, đảm bảo tính đồng nhất và dễ hiểu hơn: “AI giúp cải thiện khả năng nhận diện và chỉnh sửa các điểm không rõ ràng trong ngôn ngữ pháp lý, từ đó nâng cao tính chính xác trong việc truyền đạt các quy định pháp luật” (Nguyễn & Trương, 2022).

2.2. Tạo ra ngữ cảnh pháp lý mới trong việc sử dụng từ ngữ

AI không chỉ làm việc với ngôn ngữ hiện có mà còn có thể giúp tạo ra các ngữ cảnh pháp lý mới. Các công cụ AI như xử lý ngôn ngữ tự nhiên (NLP) có thể giúp phát hiện các mẫu từ ngữ mới, các thuật ngữ chưa được sử dụng trong pháp luật, hoặc các từ ngữ có thể có nghĩa khác nhau trong

các hoàn cảnh khác nhau. Điều này có thể dẫn đến sự phát triển của các thuật ngữ pháp lý mới, phù hợp hơn với sự phát triển của xã hội và nhu cầu của hệ thống pháp luật.

Ví dụ, các công nghệ mới như blockchain, tiền điện tử, hoặc các vấn đề liên quan đến bảo mật dữ liệu có thể tạo ra các thuật ngữ pháp lý mới mà trước đây chưa được đề cập trong các văn bản pháp lý truyền thống. AI có thể hỗ trợ việc sáng tạo và định nghĩa các thuật ngữ này trong ngữ cảnh pháp lý một cách chính xác và khoa học: “AI không chỉ giúp sửa lỗi trong ngôn ngữ pháp lý mà còn góp phần định hình các thuật ngữ mới, tạo ra sự đổi mới trong cách sử dụng ngôn ngữ pháp luật” (Lâm & Phan, 2021).

2.3. Tăng cường tính khách quan trong ngôn ngữ pháp lý

Một trong những đặc điểm quan trọng của ngôn ngữ pháp lý là tính khách quan. AI, với khả năng xử lý dữ liệu một cách khách quan và không thiên lệch, có thể giúp cải thiện tính khách quan trong việc sử dụng ngôn ngữ pháp lý. Các hệ thống AI có thể phân tích và nhận diện các yếu tố chủ quan hoặc thiên vị trong các văn bản pháp lý, từ đó đề xuất cách thay đổi ngôn ngữ sao cho công bằng và hợp lý hơn. Bằng cách loại bỏ các yếu tố cảm tính và không có cơ sở pháp lý trong các văn bản pháp lý, AI giúp làm cho ngôn ngữ pháp lý trở nên công bằng và khách quan hơn. Điều này có thể đặc biệt quan trọng trong các vụ án lớn hoặc những trường hợp cần sự công minh tuyệt đối: “AI có thể loại bỏ những yếu tố chủ quan, đảm bảo rằng ngôn ngữ pháp lý được sử dụng một cách công bằng và khách quan hơn trong các văn bản pháp lý” (Dương, 2023).

2.4. Thúc đẩy tính hệ thống trong ngôn ngữ pháp lý

AI giúp tăng cường tính hệ thống trong ngôn ngữ pháp lý. Các công cụ AI có thể hỗ trợ việc phân tích và xây dựng các quy phạm pháp luật theo cách thức hợp lý và có cấu trúc rõ ràng. Việc sử dụng AI để tổ

chức các văn bản pháp lý theo một hệ thống logic và có cấu trúc rõ ràng giúp các quy định pháp lý trở nên dễ tiếp cận và dễ hiểu hơn đối với người dân, đồng thời cũng giúp giảm thiểu sự mâu thuẫn và sự không nhất quán trong hệ thống pháp lý. Bên cạnh đó, AI có thể giúp hệ thống hoá và tổ chức lại các văn bản pháp lý cũ, giúp người sử dụng dễ dàng tra cứu và áp dụng các quy định pháp lý: “AI giúp hệ thống hóa ngôn ngữ pháp lý, giúp văn bản pháp lý trở nên dễ tra cứu và đồng bộ hơn trong toàn bộ hệ thống pháp luật” (Thạch, 2022).

2.5. Tạo ra các mô hình dự đoán và phân tích ngữ nghĩa

Một trong những ứng dụng nổi bật của AI trong ngôn ngữ pháp lý là khả năng phân tích ngữ nghĩa và dự đoán các kết quả pháp lý. AI có thể được huấn luyện để hiểu ngữ cảnh và phân tích các quy định pháp lý, từ đó dự đoán kết quả của các vụ án hoặc xác định các yếu tố quan trọng trong các văn bản pháp lý. Điều này giúp hỗ trợ luật sư trong việc xây dựng chiến lược, cũng như giúp các cơ quan pháp lý đưa ra các quyết định dựa trên các phân tích dự báo. AI có thể phân tích các vụ án trước đó để tìm ra các tiền lệ pháp lý có thể ảnh hưởng đến vụ kiện hiện tại, từ đó đưa ra các khuyến nghị chính xác hơn về cách thức giải quyết vụ việc: “AI có khả năng phân tích ngữ nghĩa của các văn bản pháp lý và dự đoán kết quả pháp lý, tạo ra các công cụ hỗ trợ mạnh mẽ cho luật sư và các cơ quan tố tụng” (Thủy & Hưng, 2023).

3. TRIỂN VỌNG VÀ THÁCH THỨC CỦA NGÔN NGỮ PHÁP LÝ TRONG TƯƠNG LAI

Ngôn ngữ pháp lý đóng vai trò quan trọng trong hệ thống pháp luật, là phương tiện giúp truyền đạt, áp dụng và giải thích các quy định pháp lý. Khi công nghệ, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo (AI) và các công nghệ mới, tiếp tục phát triển, ngôn ngữ pháp lý cũng sẽ phải đối mặt với những thay đổi lớn. Dưới đây là các triển vọng và thách

thức của ngôn ngữ pháp lý trong tương lai.

3.1. Triển vọng phát triển

3.1.1. Cải thiện tính rõ ràng và chính xác trong ngôn ngữ pháp lý

Một trong những triển vọng lớn nhất của ngôn ngữ pháp lý trong tương lai là khả năng cải thiện tính chính xác và rõ ràng của văn bản pháp lý. Với sự trợ giúp của các công cụ AI như xử lý ngôn ngữ tự nhiên (NLP), ngôn ngữ pháp lý có thể được phân tích và tối ưu hóa để tránh các thuật ngữ mơ hồ, gây tranh cãi hoặc hiểu nhầm. AI có thể giúp soạn thảo các văn bản pháp lý dễ hiểu hơn, giảm thiểu sự phức tạp và tính rườm rà, từ đó giúp người dân và các tổ chức dễ dàng tiếp cận và thực thi các quy định pháp lý. Các công cụ phân tích ngữ nghĩa của AI có thể giúp nhận diện các cấu trúc ngữ pháp không chính xác, từ đó sửa đổi hoặc làm rõ những phần gây hiểu nhầm trong các văn bản pháp lý: “Công nghệ NLP có thể giúp làm cho ngôn ngữ pháp lý trở nên đơn giản và dễ hiểu hơn, từ đó gia tăng khả năng tiếp cận của các quy định pháp luật đối với người dân” (Thủy & Hưng, 2023).

3.1.2. Đa dạng hóa ngôn ngữ pháp lý

Ngôn ngữ pháp lý trong tương lai có thể sẽ được phát triển để phù hợp với những thay đổi trong xã hội và công nghệ. Ví dụ, sự xuất hiện của các công nghệ mới như blockchain, tiền điện tử, hay các vấn đề bảo mật dữ liệu có thể yêu cầu các thuật ngữ pháp lý mới. Ngôn ngữ pháp lý sẽ không chỉ dựa trên các khái niệm truyền thống mà sẽ phải mở rộng để bao quát các lĩnh vực công nghệ, môi trường và các lĩnh vực liên quan đến các vấn đề toàn cầu hóa: “Ngôn ngữ pháp lý sẽ cần phải phát triển và cập nhật để phản ánh sự thay đổi nhanh chóng của công nghệ và các vấn đề xã hội mới” (Lâm, 2022).

3.1.3. Tự động hóa và tăng cường sự chính xác trong việc tạo ra văn bản pháp lý

Trong tương lai, AI có thể giúp tự động

hóa quy trình soạn thảo văn bản pháp lý, từ hợp đồng, thỏa thuận đến các quy định luật pháp. Công nghệ AI có thể tạo ra các bản nháp ban đầu của các văn bản pháp lý, dựa trên các yêu cầu cụ thể và dữ liệu đầu vào. Điều này sẽ giúp giảm thời gian và công sức trong việc soạn thảo văn bản, đồng thời đảm bảo tính chính xác và sự đồng nhất trong ngôn ngữ: “Tự động hóa việc tạo ra các văn bản pháp lý thông qua AI sẽ giúp tăng cường hiệu quả và giảm thiểu sai sót trong các quy định pháp lý” (Dương, 2023).

3.2. Thách thức cần vượt qua

3.2.1. Đảm bảo tính khách quan và công bằng trong ngôn ngữ pháp lý

Một trong những thách thức lớn nhất đối với ngôn ngữ pháp lý trong tương lai là làm sao để duy trì tính khách quan và công bằng trong việc sử dụng thuật ngữ. AI có thể giúp phát hiện các mâu thuẫn ngữ nghĩa hoặc sự thiên lệch trong các văn bản pháp lý, nhưng AI cũng có thể bị ảnh hưởng bởi dữ liệu huấn luyện không đầy đủ hoặc có thiên kiến.

Để giải quyết vấn đề này, cần có sự giám sát chặt chẽ của các chuyên gia pháp lý và các nhà đạo đức học trong quá trình phát triển và ứng dụng AI vào ngôn ngữ pháp lý. Đồng thời, cần phải duy trì các quy trình kiểm soát chất lượng và đảm bảo rằng các thuật ngữ được sử dụng một cách công bằng và không mang tính phân biệt: “Cần có sự giám sát kỹ lưỡng để đảm bảo rằng các hệ thống AI không mang theo sự thiên lệch, đảm bảo rằng ngôn ngữ pháp lý được sử dụng một cách công bằng và khách quan” (Linh, 2023).

3.2.2. Vấn đề bảo mật và quyền riêng tư

Khi ngôn ngữ pháp lý trở nên tự động hóa và các hệ thống AI có thể xử lý và phân tích thông tin cá nhân nhạy cảm, vấn đề bảo mật và quyền riêng tư sẽ trở thành một thách thức lớn. Các văn bản pháp lý có thể chứa thông tin cá nhân hoặc thông tin mật về các vụ án, và việc xử lý dữ liệu này có

thể tiềm ẩn nguy cơ rủi ro bảo mật. Để đối phó với thách thức này, các cơ quan pháp lý cần phải áp dụng các biện pháp bảo mật nghiêm ngặt và quy định rõ ràng về cách thức sử dụng và bảo vệ thông tin trong quá trình phát triển và ứng dụng AI trong ngôn ngữ pháp lý: “Bảo mật thông tin cá nhân trong các văn bản pháp lý khi sử dụng AI là một vấn đề quan trọng, cần có những quy định chặt chẽ để bảo vệ quyền lợi của công dân” (Thạch & Linh, 2022).

3.2.3. Cải thiện chất lượng và độ tin cậy của AI trong ngữ nghĩa pháp lý

Một thách thức lớn khác là đảm bảo rằng AI có thể hiểu và xử lý ngữ nghĩa của các văn bản pháp lý một cách chính xác. Ngôn ngữ pháp lý có thể rất phức tạp và chứa nhiều lớp ý nghĩa, vì vậy AI cần phải được huấn luyện trên một cơ sở dữ liệu rộng lớn và đa dạng để có thể hiểu đúng các khái niệm và mối quan hệ trong văn bản pháp lý. Đồng thời, AI phải đảm bảo rằng các quyết định do hệ thống AI đưa ra có thể được kiểm tra, giải thích và chịu trách nhiệm được, để đảm bảo rằng ngôn ngữ pháp lý được sử dụng một cách chính xác và công bằng: “AI cần phải được phát triển với khả năng xử lý và hiểu ngữ nghĩa sâu sắc của các văn bản pháp lý để đảm bảo chất lượng và độ tin cậy trong việc áp dụng” (Nguyễn & Trương, 2023).

3.2.4. Tương tác giữa con người và máy móc

Mặc dù AI có thể hỗ trợ mạnh mẽ trong việc xử lý ngôn ngữ pháp lý, nhưng việc

phụ thuộc quá mức vào máy móc có thể làm giảm sự tham gia của các chuyên gia pháp lý. Ngôn ngữ pháp lý không chỉ là về các quy tắc và thuật ngữ mà còn liên quan đến bối cảnh và các yếu tố xã hội, văn hóa, đòi hỏi khả năng tư duy phản biện của con người. Do đó, cần tìm ra sự cân bằng giữa việc sử dụng AI để hỗ trợ và việc duy trì vai trò của các chuyên gia pháp lý trong việc giải thích và áp dụng các quy định pháp lý: “Sự tương tác giữa con người và AI trong ngôn ngữ pháp lý sẽ cần phải được phát triển để đảm bảo rằng những quyết định pháp lý cuối cùng luôn phản ánh đúng bối cảnh xã hội và đạo đức” (Thủy & Hưng, 2023).

4. KẾT LUẬN

AI đang ngày càng có vai trò quan trọng trong việc thay đổi ngôn ngữ pháp luật, giúp nâng cao độ chính xác, khả năng phân tích và tự động hóa quy trình soạn thảo văn bản pháp lý. AI mang lại nhiều cơ hội như cải thiện hiệu suất làm việc, giảm thiểu sai sót và hỗ trợ quá trình lập pháp. Tuy nhiên, AI cũng đặt ra không ít thách thức liên quan đến tính minh bạch, đạo đức và kiểm soát quyền lực trong lĩnh vực pháp luật. Để đảm bảo AI được áp dụng một cách hiệu quả và có trách nhiệm, cần có sự hợp tác chặt chẽ giữa các chuyên gia pháp luật, nhà phát triển AI và các nhà hoạch định chính sách. Việc này không chỉ giúp tận dụng tối đa lợi ích của AI mà còn đảm bảo rằng các nguyên tắc pháp lý và quyền lợi của công dân được bảo vệ một cách toàn diện./.

(1). **Mireille Hildebrandt** (sinh năm 1958) là một luật sư và triết gia người Hà Lan làm việc tại giao điểm của luật pháp và khoa học máy tính. Cô là Giáo sư nghiên cứu về ‘Giao diện luật pháp và công nghệ’ tại Vrije Universiteit Brussel và giữ chức Chủ tịch Môi trường thông minh, Bảo vệ dữ liệu và Pháp quyền tại Viện Khoa học máy tính và thông tin (iCIS) tại Đại học Radboud Nijmegen. Bà cũng là nhà nghiên cứu chính của dự án ‘Đêm như một con

người trong kỷ nguyên luật tính toán’ diễn ra từ năm 2019-2024 và được tài trợ bởi Hội đồng nghiên cứu châu Âu. Nghiên cứu này nhằm mục tiêu vào hai hình thức luật tính toán: học máy và công nghệ chuỗi khối. Bà đã xuất bản bốn chuyên khảo khoa học, 21 tập biên tập hoặc các ấn bản đặc biệt và hơn 100 chương và bài báo trên các tạp chí và tập khoa học. Năm 2015, bà đã có bài giảng Chorley tại Trường Kinh tế London. Năm 2020, bà là Đồng chủ

tịch chung của Hội nghị ACM FAccT (*trước đây là ACM FAT**). Năm 2022, bà được bầu làm viện sĩ thông tấn của Viện Hàn lâm Anh.

(2). **Margaret Ann Boden** OBE FBA (sinh ngày 26 tháng 11 năm 1936) là Giáo sư nghiên cứu về Khoa học nhận thức tại Khoa Tin

học thuộc Đại học Sussex , nơi công trình của bà bao gồm các lĩnh vực trí tuệ nhân tạo , tâm lý học, triết học và khoa học nhận thức và máy tính.

(3) <https://tiasang.com.vn/dien-dan/su-thiet-yeu-cua-triet-hoc-trong-thoi-dai-ai/>

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Thủy, P. & Hưng, H. (2023). *Cải tiến ngôn ngữ pháp lý bằng công nghệ AI*. Tạp chí Công nghệ và Pháp lý, 5(3), 12-19.
- Lâm, T. (2022). *Tương lai của ngôn ngữ pháp lý trong bối cảnh công nghệ mới*. Tạp chí Nghiên cứu Pháp lý, 18(2), 24-36.
- Dương, K. (2023). *Ứng dụng AI trong ngôn ngữ pháp lý: Cơ hội và thách thức*. Tạp chí Pháp lý và Công nghệ, 8(4), 22-31.
- Linh, H. (2023). *Đạo đức và bảo mật trong sử dụng AI trong pháp luật*. Tạp chí Pháp lý và Công nghệ, 6(2), 14-25.
- Thạch, L. & Linh, H. (2022). *Bảo mật và quyền riêng tư trong việc ứng dụng AI vào ngôn ngữ pháp lý*. Tạp chí Khoa học Pháp lý, 12(1), 45-56.
- Nguyễn, M. & Trương, D. (2022). *Tác động của AI đối với ngôn ngữ pháp lý và cải tiến quy trình pháp lý*. Nxb. Khoa học xã hội.
- Lâm, T. & Phan, C. (2021). *AI và sự phát triển của ngôn ngữ pháp lý trong bối cảnh công nghệ mới*. Tạp chí Ngôn ngữ và Pháp luật, 9(2), 22-34.
- Dương, K. (2023). *AI và tính khách quan trong ngôn ngữ pháp lý*. Tạp chí Pháp lý, 19(4), 45-56.
- Thạch, L. (2022). *Hệ thống hóa ngôn ngữ pháp lý bằng AI*. Tạp chí Luật học và Công nghệ, 7(3), 60-70.
- Thủy, P. & Hưng, H. (2023). *AI trong phân tích và dự đoán kết quả pháp lý*. Tạp chí Nghiên cứu pháp lý, 15(1), 15-28.
- Nguyễn Ngọc Điện (2007), *Ngôn ngữ pháp luật và thực tiễn pháp lý*, NXB Chính trị Quốc gia.
- Nguyễn Đăng Dung (2010), *Giáo trình lý luận pháp luật*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Vũ Văn Nhiêm (2015), *Nguyên lý cơ bản của luật học*, NXB Chính trị Quốc gia.
- Trần Ngọc Đường (2009), *Khoa học pháp lý và thực tiễn lập pháp*, NXB Tư pháp.
- Phạm Hồng Thái (2016), *Pháp luật và phát triển bền vững*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Lê Minh Tâm (2014), *Giáo trình lý luận nhà nước và pháp luật*, NXB Tư pháp
- Nguyễn Văn Cường (2020), *Hội nhập pháp luật quốc tế: Thách thức và cơ hội*, NXB Chính trị Quốc gia.
- Bộ luật Dân sự 2015.
- Bộ luật Hình sự 2015.
- Luật Giao thông đường bộ 2008.
- Luật Hôn nhân và gia đình 2014.
- Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA).